TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 5 năm 2020
Về việc: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông: Trần Quốc

Ông: Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy L**, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chổ ở: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy L trình bày tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 18/3/2020:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2015 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn

với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 07/11/2015, hiện nay chị đang nuôi dạy, nay chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không.

Nợ chung: Không.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày tại biên bản hòa giải ngày 18/3/2020:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định, nguyên nhân mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cải vợ chồng ly thân tháng 02 tháng. Nay vợ anh yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý nhưng với điều kiện là anh được nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng chung sống tạo 01 người con Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 07/11/2015, cháu hiện nay vợ anh đang nuôi dạy.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Nguyễn Văn T có nơi trú tại xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị L là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn, anh T là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy mời xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt; Căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh T hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và được bảo vệ. Về mâu thuẫn không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L và anh T đã ly thân 5 năm nay, tại phiên hòa giải anh Tào cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh T.

[3] *Về con chung:* Chị L và anh T có 01 người con chung Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 07/11/2015.

Xét, con chung tên Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 07/11/2015 tại biên bản hòa giải anh T yêu cầu nuôi con, Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu Hoài A sống chung với chị L, hiện đang đi học ổn định và có xác nhận của nhà trường gần gũi với chị L nhiều hơn anh T nên việc đặt ra yêu cầu nuôi con của anh T không phù hợp nên không chấp nhận. Khi ly thân đến nay cháu Hoài A sống với chị L việc phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 07/11/2015 cho chị L nuôi dạy đến tuổi trưởng thành. Chị L không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 07/11/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Anh T không có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Nguyễn Thị Thúy L phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 19/2/2020 chị L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003275 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Thủy